UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 745/TB-UBND	*Đồng Hới, ngày 29 tháng 10 năm 2020*

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND thành phố Đồng Hới về phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng 53 thửa đất ở tại thôn Trung Bính, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Quyết định số 4511/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND thành phố Đồng Hới về Quyết định đấu giá quyền sử dụng 53 thửa đất ở tại thôn Trung Bính, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND thành phố Đồng Hới về phê duyệt giá đất cụ thể và giá khởi điểm 51 thửa đất ở tại thôn Trung Bính, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới.

I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA NGƯỜI CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

Tên đơn vị: UBND thành phố Đồng Hới.

Địa chỉ: 88 Phạm Văn Đồng, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

II. TÊN TÀI SẢN, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất 51 thửa đất ở tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới. Diện tích từ 206,0 m²/thửa đến 494,7m²/thửa; giá khởi điểm từ 2.189.000.000 đ/thửa đến 9.142.000.000 đ/thửa; Mục đích sử dụng: đất ở nông thôn (ONT); Thời hạn sử dụng: Lâu dài *(Có thông tin các thửa đất kèm theo).*

III. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

Các tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 và các tiêu chí khác do UBND thành phố quy định, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá:

1.1. Tổ chức đấu giá có trụ sở đăng ký có địa chỉ cụ thể, rõ ràng.

1.2. Hội trường tổ chức cuộc đấu giá (ghi rõ địa chỉ hội trường, số chỗ ngồi đảm bảo tối đa cho bao nhiêu người tham gia).

1.3. Cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng điều kiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và tổ chức đấu giá:

a) Có phòng tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và được bố trí vị trí thuận tiện đảm bảo cho việc đăng ký đối với từng loại tài sản.

b) Trang thiết bị: Máy in; máy tính; máy chiếu; máy photocopy; thùng đựng phiếu trả giá đảm bảo chắc chắn, an toàn, bảo mật và các phương tiện khác đảm bảo cho việc đấu giá tài sản.

c) Có lắp đặt hệ thống phòng, chống cháy nổ, hệ thống camera giám sát tại phòng tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và hội trường tổ chức đấu giá nhằm công khai, minh bạch trong quá trình đấu giá.

d) Có trang thông tin điện tử đang hoạt động.

2. Phương án đấu giá đấu giá khả thi, hiệu quả:

2.1. Phương án đáp ứng đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan và hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng trình tự thực hiện và đề xuất các công việc do đơn vị thực hiện).

2.2. Phương án đấu giá xác định được các biện pháp, hình thức tổ chức cuộc đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao.

2.3. Phương án đề xuất được các giải pháp để giải quyết các vấn đề khác phát sinh khi tổ chức cuộc đấu giá.

2.4. Phương án đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng dìm giá.

2.5. Phương án xây dựng thực hiện đảm bảo an toàn, an ninh trật tự cho cuộc đấu giá.

2.6. Phương án xác định phương thức thu, nộp và trả tiền đặt trước, tiền lãi phát sinh từ tiền đặt trước.

2.7. Phương án đấu giá đề xuất thêm các hình thức, địa điểm thông báo, niêm yết khác ngoài hình thức, địa điểm theo quy định của pháp luật hoặc cách thức khác tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá.

3. Năng lực kinh nghiệm và uy tín tổ chức đấu giá tài sản:

3.1. Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản:

a) Đã hoạt động trong lĩnh vực đấu giá quyền sử dụng đất (ghi rõ thời gian thành lập và hoạt động từ khi thành lập đến 15/10/2020).

b) Mức chênh lệch giá khởi điểm so với giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất do nhà nước thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/01/2020 đến 15/10/2020 (ghi rõ tổng giá khởi điểm, tổng giá đấu trúng, tỷ lệ chênh lệch, tổng số lô đất và diện tích, kể cả các lô đất chỉ có một người tham gia đối với hình thức đấu giá gián tiếp).

c) Tổ chức đấu giá thành quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với quỹ đất do nhà nước thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/10/2020 tính theo thời điểm tổ chức đấu giá (ghi rõ số

hợp đồng đã ký và đấu giá thành, kể cả đấu giá thành từ 01 đến một số lô đất - đối với hợp đồng đấu giá nhiều lô đất).

3.2. Năng lực, kinh nghiệm và uy tính của đấu giá viên

a) Số lượng đấu giá viên (ghi rõ số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá):

b) Kinh nghiệm của đấu giá viên (ghi rõ họ tên và thời gian hành nghề của 02 đấu giá viên dự kiến điều hành cuộc đấu giá này).

c) Các đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản đã tham gia bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

4. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (Không tính 1% chênh lệch)

Mức thù lao dịch vụ đấu giá không vượt quá dự toán do UBND thành phố phê duyệt.

5. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố

6. Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định

IV. CÁCH CHẤM ĐIỂM

1. Cách chấm điểm: Lấy khung điểm do UBND thành phố ban hành trước thời điểm mở niêm phong hồ sơ lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

2. Mức điểm tối đa là 100 điểm.

Đơn vị được lựa chọn là đơn vị có số điểm cao nhất.

V. THÀNH PHẦN HỒ SƠ THAM GIA

- Đơn, văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản kèm phương án đấu giá (bản chính);

- Tổ chức đấu giá tài sản cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành;

- Tổ chức đấu giá tài sản cung cấp giấy đăng ký hoạt động, quyết định thành lập để chứng minh thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá của tổ chức đấu giá;

- Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, tài liệu chứng minh các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá;

- Thẻ đấu giá viên hoặc giấy xác nhận của Sở Tư pháp trong trường hợp đấu giá viên cấp đổi Thẻ theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Nghị định số 62/2017/NĐ-CP và Thông tư số 23/2010/TT-BTP để chứng minh số lượng đấu giá viên, thời gian hành nghề đấu giá của đấu giá viên;

- Toàn bộ hồ sơ được bỏ trong phong bì dán và đóng dấu niêm phong của đơn vị.

- Bản cam kết phong tỏa tài khoản tại ngân hàng của đơn vị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

VI. ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA

UBND thành phố giao cho Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ thành phố tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá theo đúng quy định của pháp luật.

VII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

1. Thời gian nhận hồ sơ: từ 08 giờ 00 phút ngày 29/10/2020 đến 17 giờ 00 phút ngày 04/11/2020 (Trong giờ hành chính các ngày làm việc).

2. Địa điểm nhận hồ sơ: Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ thành phố Đồng Hới.

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà UBND thành phố, số 88 Phạm Văn Đồng, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại liên hệ: 0232.3824429 hoặc 0905017733 - Gặp đồng chí Nguyễn Thị Hồng Thắm - Viên chức Ban quản lý Dự án ĐTXD&PTQĐ thành phố.

3. Hình thức nộp hồ sơ:

- Hồ sơ đăng ký phải nộp trực tiếp (*không nhận hồ sơ qua đường bưu điện*)

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị cử đến và phải còn hiệu lực.

- Không hoàn trả hồ sơ cho các đơn vị tổ chức đấu giá tài sản đã nộp hồ sơ.

UBND thành phố Đồng Hới thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và đăng ký./.

Nơi nhận:
- Đăng website UBND TP;
- Https://.moj.gov.vn;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Cường

PHỤ LỤC CHI TIẾT 51 THỬA ĐẤT Ở TẠI THÔN TRUNG BÍNH, XÃ BẢO NINH, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

(Kèm theo Thông báo số 1457/TB-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2020 của UBND thành phố Đồng Hới)

TT	Lô đất theo BĐQH	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m^2)	Đơn giá định giá (1.000đ/m2)	Thành Tiền (1.000đ)	Ghi chú
I	**Các thửa đất thuộc Khu OM 15 LO, có đường QH 13m, hướng Đông Bắc**							
1	OM15 LO-02	124	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
2	OM15 LO-03	126	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
3	OM15 LO-04	128	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
4	OM15 LO-05	130	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
5	OM15 LO-06	132	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
6	OM15 LO-08	137	52	ONT	206,0	11.626	2.395.000	
7	OM15 LO-09	139	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
8	OM15 LO-12	145	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
9	OM15 LO-13	147	52	ONT	330,1	15.000	4.952.000	2 mặt tiền
10	OM15 LO-07	135	52	ONT	206,0	10.625	2.189.000	
Cộng 10 thửa					**2.184,1**	**124.751**	**27.561.000**	
II	**Các thửa đất thuộc Khu OM16 LO, có đường QH 13m, hướng Đông Bắc**							
1	OM16 LO-02	152	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
2	OM16 LO-03	154	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
3	OM16 LO-04	157	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
4	OM16 LO-05	158	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
5	OM16 LO-06	160	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
6	OM16 LO-07	162	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
7	OM16 LO-10	169	52	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
8	OM16 LO-11	49	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
9	OM16 LO-12	50	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
10	OM16 LO-13	51	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
11	OM16 LO-14	52	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
12	OM16 LO-01	150	52	ONT	335,9	15.000	5.039.000	2 mặt tiền
13	OM16 LO-15	53	74	ONT	350,5	15.000	5.258.000	2 mặt tiền
14	OM16 LO-08	164	52	ONT	206,0	10.625	2.189.000	
15	OM16 LO-09	167	52	ONT	206,0	10.625	2.189.000	
Cộng 15 thửa					**3.364,4**	**188.750**	**43.000.000**	
III	**Các thửa đất thuộc Khu OM18 LO, có đường QH 13m, hướng Tây Bắc**							
1	OM18 LO-19	9	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
2	OM18 LO-18	10	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
3	OM18 LO-17	11	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	

TT	Lô đất theo BĐQH	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m^2)	Đơn giá định giá (1.000đ/m2)	Thành Tiền (1.000đ)	Ghi chá
4	OM18 LO-16	12	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
5	OM18 LO-15	13	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
6	OM18 LO-14	17	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
7	OM18 LO-13	20	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
8	OM18 LO-12	21	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
9	OM18 LO-11	22	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
10	OM18 LO-10	25	74	ONT	206,0	12.500	2.575.000	
11	OM18 LO-20	8	74	ONT	350,1	15.000	5.252.000	2 mặt tiền
12	OM18 LO-01	45	74	ONT	359,5	15.000	5.393.000	2 mặt tiền
Cộng 12 thửa					**2.769,6**	**155.000**	**36.395.000**	
IV	**Các thửa đất thuộc Khu OM18 LO, có đường QH 15m, hướng Đông Nam**							
1	OM18 LO-39	15	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
2	OM18 LO-38	16	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
3	OM18 LO-37	18	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
4	OM18 LO-36	19	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
5	OM18 LO-35	23	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
6	OM18 LO-34	24	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
7	OM18 LO-33	27	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
8	OM18 LO-32	28	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
9	OM18 LO-31	31	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
10	OM18 LO-30	34	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
11	OM18 LO-29	35	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
12	OM18 LO-28	38	74	ONT	206,0	15.400	3.172.000	
13	OM18 LO-40	14	74	ONT	310,0	18.480	5.729.000	2 mặt tiền
14	OM18 LO-21	48	74	ONT	494,7	18.480	9.142.000	2 mặt tiền
Cộng 14 thửa					**3.276,7**		**52.935.000**	
Tổng cộng 51 thửa					**11.594,8**		**159.891.000**	